

TẬP HUẤN
XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CẤP THCS
THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH
MÔN CÔNG NGHỆ

NHÓM 1: Ngày 3.8.2022

Trần Thị Trinh – THCS Bình Thắng

Lê Thị Ngọc Hòa – THCS Bình An

Nguyễn Thị Huyền Trang – THCS Dĩ An

Hồ Ngọc Ánh – THCS Thanh An

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 6**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Trang phục và thời trang	1.1. Các loại vải thông dụng dùng để may trang phục	4	3	3	4.5					7	0	7.5	17.5%
		1.2. Trang phục	8	6	7	10.5	1	10			15	1	26.5	57.5%
		1.3. Thời trang	3	2.25	1	1.5					4	0	3.75	10%
		1.4. Em làm nhà thiết kế thời trang	1	0.75	1	1.5			1	5	2	1	7.25	15%
Tổng			16	12	12	18	1	10	1	5	28	2	45	100%
Tỉ lệ (%)			40%		30%		20%		10%					100%
Tỉ lệ chung (%)			70%				30%						100%	

Ghi chú:

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).
- Số lượng câu hỏi phân bố trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.
- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.
- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bố ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.
- Tỷ lệ điểm phân bố cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.
- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.
- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3.

KHUNG ĐẶC TẢ MÔN CÔNG NGHỆ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Trang phục và thời trang	1.1 Các loại vải thông dụng dùng để may trang phục	Nhận biết: - Kể tên được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục. - Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.	4			
			Thông hiểu: - Trình bày được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng dùng để may trang phục.		3		
			Vận dụng: - Lựa chọn được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể, lứa tuổi, tính chất công việc.				
		1.2. Trang phục	Nhận biết: - Nêu được vai trò của trang phục trong cuộc sống. - Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống. - Nêu được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. - Nêu được cách bảo quản một số loại trang phục thông dụng.	8			

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân. - Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Phân loại được một số trang phục trong cuộc sống. - Giải thích được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. - Giải thích được cách bảo quản trang phục thông dụng. 		7		
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc, điều kiện tài chính. - Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng. 			1	
			<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn được cho người thân việc lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài 				

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
			chính	chính	chính	chính	chính
		1.3 Thời trang	Nhận biết: - Nêu được những kiến thức cơ bản về thời trang. - Kể tên được một số phong cách thời trang phổ biến.	3			
			Thông hiểu: - Phân biệt được phong cách thời trang của một số bộ trang phục thông dụng.		1		
			Vận dụng: - Bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.				
		1.4 Em làm nhà thiết kế thời trang	Nhận biết: - Nhận biết các yêu cầu khi thiết kế bộ trang phục	1			
			Thông hiểu: - Nhận biết các bước thiết kế thời trang thông qua việc thiết kế một bộ trang phục theo tình huống cho trước		1		
			Vận dụng: - Vẽ phác thảo bộ trang phục sẽ thiết kế				
			Vận dụng cao: - Thiết kế được bộ trang phục thể hiện các yếu tố phù hợp với lứa tuổi, môi trường, xu hướng thời trang				1
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một hoặc một số trong các đơn vị kiến thức.
- Kiểm tra lại sự phù giữa đề kiểm tra và ma trận đề

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2

MÔN: CÔNG NGHỆ 6

THỜI GIAN: 45 Phút (Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm) Em hãy lựa chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất; Mỗi đáp án chính xác 0.25 điểm

Câu 1. Vải sợi hóa học được sản xuất từ:

- A. Sợi thực vật (sợi lanh, sợi bông..)
- B. Một số chất hóa học lấy từ tre, gỗ, nứa, than đá, dầu mỏ...
- C. Sợi động vật(lông cừu, tơ tằm...)
- D. Sợi tơ sen, lông cừu.

Câu 2: Cây bông dùng để dệt ra vải sợi nào?

- A. Vải sợi len
- B. Vải cotton
- C. Vải sợi tổng hợp
- D. Vải sợi nhân tạo

Câu 3: Cách phân biệt một số loại vải là:

- A. Vò vải, đốt sợi vải, nhúng nước hoặc đọc thành phần sợi vải.
- B. Vò vải, đốt sợi vải, ủi ở nhiệt độ cao hoặc đọc thành phần sợi vải.
- C. Vò vải, đốt sợi vải, đọc thành phần sợi vải.
- D. Vò vải, đốt sợi vải, phơi nắng hoặc đọc thành phần sợi vải.

Câu 4: Đặc điểm của vải sợi pha:

- A. Mặc thoáng mát.
- B. Dễ bị nhàu.
- C. Phơi lâu khô.
- D. Có ưu điểm của của vải sợi thành phần.

Câu 5: Hãy cho biết đâu không phải là trang phục?

- A. Quần áo
- B. Giày dép
- C. Bông tai.
- D. Nón.

Câu 6: Trang phục giúp ích con người trong trường hợp nào?

- A. Che chắn khi đi mưa, giữ ấm
- B. Làm đẹp, giữ ấm, chống nắng
- C. Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người.
- D. Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động

Câu 7: Theo giới tính trang phục chia làm mấy loại?

- A. 1 loại.
- B. 3 loại
- C. 2 loại.
- D. 4 loại.

Câu 8: Trang phục mùa hè thuộc loại trang phục nào?

- A. Theo thời tiết.
- B. Theo công dụng.
- C. Theo giới tính
- D. Theo lứa tuổi

Câu 9: Trang phục thể thao thuộc kiểu trang phục nào?

- A. Theo thời tiết.
- B. Theo công dụng.
- C. Theo lứa tuổi.
- D. Theo giới tính

Câu 10: Sử dụng và bảo quản trang phục gồm những công việc gì?

- A. Giặt, phơi; là (ủi); cất giữ
- B. Giặt; là (ủi); cất giữ
- C. Giặt, phơi; là (ủi); gấp gọn
- D. Giặt; là (ủi); gấp gọn

Câu 11: Quy trình giặt, phơi quần áo được tiến hành theo trình tự nào sau đây?

- A. Chuẩn bị → Khởi động máy → Hoàn tất
- B. Chuẩn bị → Vò, giặt → Hoàn tất
- C. Chuẩn bị → Tẩy, giặt → Hoàn tất
- D. Chuẩn bị → Thực hiện → Hoàn tất

Câu 12: Dụng cụ Là (ủi) quần áo ?

- A. Bàn ủi.
- B. Túi xách.
- C. Quần áo
- D. Bàn ủi, Cầu là.

Câu 13: Em hiểu thế nào là thời trang?

- A. Là kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng
- B. Là kiểu trang phục được sử dụng rộng rãi.
- C. Là kiểu trang phục thịnh hành
- D. Là kiểu trang phục phổ biến và được nhiều người ưa chuộng.

Câu 14: Sự thay đổi của thời trang thể hiện qua:

- A. Kiểu dáng, màu sắc, chất liệu.
- B. Màu sắc, chất liệu, vóc dáng
- C. Họa tiết, kiểu dáng, xu hướng
- D. Kiểu dáng, màu sắc, thời gian

Câu 15: Quy trình lựa chọn trang phục theo thời trang gồm mấy bước?

A. 4

C. 7

B. 5

D. 8

Câu 16: Để tạo ra sản phẩm thời trang, nhà thiết kế sẽ phải thực hiện công việc gì đầu tiên?

A. Nghiên cứu các xu hướng thời trang

C. Chọn vật liệu và dụng cụ

B. Vẽ mẫu thiết kế

D. Cắt may sản phẩm.

Câu 17: Loại vải nào dưới đây có nhược điểm ít thấm mồ hôi?

A. Vải sợi thiên nhiên

C. Vải sợi tổng hợp

B. Vải sợi nhân tạo

D. Vải sợi pha

Câu 18: Ưu điểm chung của vải sợi bông và vải sợi nhân tạo là?

A. Hút ẩm tốt, mặc thoáng mát

C. Độ bền cao

B. Không nhăn

D. Giặt nhanh khô

Câu 19: Loại vải nào dưới đây thích hợp để may trang phục mùa hè?

A. Vải sợi cotton

C. Vải polyester

B. Vải nylon

D. Vải polyamide

Câu 20: Em nên chọn loại vải nào để may trang phục lao động?

A. Vải sợi bông

C. Vải polyester

B. Vải lụa nylon

D. Đáp án khác

Câu 21: Khi thời tiết nóng, nên mặc quần áo bằng loại vải nào để được thoáng mát?

A. Vải sợi lanh, Vải polyester

C. Vải sợi nhân tạo, Vải polyester

B. Vải sợi bông, Vải sợi lanh

D. Vải sợi bông; Vải lụa nylon

Câu 22: Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác tròn đầy, thấp xuống ?

A. Màu sáng, hoa to, kẻ sọc dọc.

C. Màu sáng, hoa to, kẻ sọc ngang.

B. Màu sẫm, hoa nhỏ, kẻ sọc ngang.

D. Màu sẫm, hoa to, kẻ sọc ngang.

Câu 23: Nên chọn vải may áo quần phù hợp với lứa tuổi trẻ em:

A. Chọn loại vải mềm, màu sẫm, hoa nhỏ

B. Chọn loại vải thô, màu tươi sáng, hoa văn sinh động

C. Chọn loại vải xốp, màu sẫm, hoa to.

D. Chọn loại vải mềm, màu tươi sáng, hoa văn sinh động

Câu 24: Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo:

A. Màu đen, màu tím

C. Màu đen, màu xanh

B. Màu đen, màu trắng

D. Màu trắng, màu vàng

Câu 25: “Trang phục mang nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc” thuộc phong cách thời trang nào?

A. Phong cách đơn giản

B. Phong cách thể thao

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách công sở.

Câu 26: Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

A. Kiểu dáng đẹp, trang trọng

C. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái

B. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng

D. Kiểu dáng ôm sát cơ thể

Câu 27: Sử dụng trang phục có kiểu dáng vừa vặn, màu sắc trang nhã lịch sự khi:

A. Đi học

B. Đi chơi

C. Đi lao động

D. Đi lễ hội

Câu 28: Ý nghĩa của việc giặt, phơi quần áo đúng cách là

A. Giúp quần áo được sạch, đẹp khi mặc

B. Giúp giữ quần áo được bền lâu

C. Giúp làm phẳng quần áo khi sử dụng

D. Giúp quần áo được sạch, bền lâu, đẹp khi mặc

II. PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 29. Lựa chọn trang phục như thế nào cho phù hợp với môi trường và tính chất công việc? (2 điểm)

Câu 30. Nhân ngày Quốc tế thiếu nhi trường em có tổ chức hội thi văn nghệ, em nằm trong đội văn nghệ của lớp. Em hãy tự phác họa một bộ trang phục, lựa chọn chất liệu vải, họa tiết phù hợp với vóc dáng của mình để tham gia hội thi. (1điểm)

----- HẾT -----

Chúc các em tự tin và làm bài tốt

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

MÔNG CÔNG NGHỆ 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm) Em hãy lựa chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất; Mỗi đáp án chính xác 0.25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	8	A	15	D	22	C
2	B	9	B	16	A	23	D
3	D	10	A	17	C	24	B
4	D	11	D	18	A	25	C
5	C	12	D	19	A	26	C
6	D	13	D	20	A	27	A
7	C	14	A	21	B	28	D

II. PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 29	Trang phục nên được lựa chọn phù hợp với môi trường và tính chất công việc:	
	- Đi học, làm việc công sở: chọn trang phục có kiểu dáng vừa vặn, màu sắc trang nhã, lịch sự;	0,5
	- Đi chơi: chọn trang phục có kiểu dáng thoải mái;	0,5
	- Đi lao động: chọn trang phục gọn gàng, thoải mái, chất liệu vải thấm mồ hôi, dày dặn để bảo vệ cơ thể;	0,5
	- Đi lễ hội, dự tiệc: chọn trang phục lịch sự, phù hợp với tính chất của buổi lễ hội và màu sắc tôn lên được vẻ đẹp của bản thân.	0,5
Câu 30	- Phác họa được bộ trang phục. (Cần thể hiện rõ vóc dáng của bản thân: Cao/ thấp; Thon gọn/ tròn đầy)	0,5
	- Lựa chọn chất liệu vải phù hợp.	0,25
	- Lựa chọn họa tiết phù hợp	0,25

Lưu ý: Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong hướng dẫn chấm mà vẫn đúng thì giám khảo chấm đủ điểm tương ứng từng phần theo hướng dẫn chấm

----- HẾT -----